

BỘ CÔNG THƯƠNG

Số: 539/QĐ-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 09 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

VỀ VIỆC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG QUYẾT ĐỊNH SỐ 1105/QĐ-BCT NGÀY 30 THÁNG 3 NĂM 2017 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG ÁP DỤNG BIỆN PHÁP CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ CHÍNH THỨC ĐỐI VỚI SẢN PHẨM THÉP MẠ NHẬP KHẨU

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG

Căn cứ Luật Quản lý ngoại thương số 05/2017/QH14 ngày 12 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 10/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 01 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương về các biện pháp phòng vệ thương mại;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư số 65/2017/TT-BTC ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 1105/QĐ-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với sản phẩm thép mạ nhập khẩu;

Căn cứ Quyết định số 2754/QĐ-BCT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi Quyết định số 3584/QĐ-BCT ngày 01 tháng 9 năm 2016 và Quyết định số 1105/QĐ-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép mạ nhập khẩu;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 của Quyết định số 1105/QĐ-BCT của Bộ trưởng Bộ Công Thương áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với sản phẩm thép mạ nhập khẩu và Mục 2 Thông báo về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức (*kèm theo Quyết định số 1105/QĐ-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương*), cụ thể như sau:

1. Điều 1 của Quyết định 1105/QĐ-BCT ghi là: “...được phân loại theo mã HS 7210.41.11; 7210.41.12; 7210.41.19; 7210.49.11; 7210.49.12; 7210.49.13; 7210.49.19;

7210.50.00; 7210.61.11; 7210.61.12; 7210.61.19; 7210.69.11; 7210.69.12; 7210.69.19;
7210.90.10; 7210.90.90; 7212.30.10; 7212.30.20; 7212.30.91; 7212.30.99; 7212.50.11;



7212.50.12; 7212.50.19; 7212.50.21; 7212.50.22; 7212.50.29; 7212.50.91; 7212.50.92; 7212.50.99; 7212.60.10; 7212.60.20; 7212.60.90; 7225.92.90; 7226.99.11; 7226.99.91...”.

Sửa đổi, bổ sung thành: “...được phân loại theo mã HS 7210.41.11; 7210.41.12; 7210.41.19; 7210.49.11; 7210.49.12; 7210.49.13; 7210.49.19; 7210.50.00; 7210.61.11; 7210.61.12; 7210.61.19; 7210.69.11; 7210.69.12; 7210.69.19; 7210.90.10; 7210.90.90; 7212.30.11; 7212.30.12; 7212.30.13; 7212.30.14; 7212.30.19; 7212.30.90; 7212.50.13; 7212.50.14; 7212.50.19; 7212.50.23; 7212.50.24; 7212.50.29; 7212.50.93; 7212.50.94; 7212.50.99; 7212.60.11; 7212.60.12; 7212.60.19; 7212.60.91; 7212.60.99; 7225.92.90; 7226.99.11; 7226.99.91...”.

2. Mục 2 Thông báo kèm theo Quyết định số 1105/QĐ-BCT ghi là: “...được phân loại theo các mã HS: 7210.41.11; 7210.41.12; 7210.41.19; 7210.49.11; 7210.49.12; 7210.49.13; 7210.49.19; 7210.50.00; 7210.61.11; 7210.61.12; 7210.61.19; 7210.69.11; 7210.69.12; 7210.69.19; 7210.90.10; 7210.90.90; 7212.30.10; 7212.30.20; 7212.30.91; 7212.30.99; 7212.50.11; 7212.50.12; 7212.50.19; 7212.50.21; 7212.50.22; 7212.50.29; 7212.50.91; 7212.50.92; 7212.50.99; 7212.60.10; 7212.60.20; 7212.60.90; 7225.92.90; 7226.99.11; 7226.99.91 (tổng cộng 35 mã HS)”.

Sửa đổi, bổ sung thành: “...được phân loại theo mã HS 7210.41.11; 7210.41.12; 7210.41.19; 7210.49.11; 7210.49.12; 7210.49.13; 7210.49.19; 7210.50.00; 7210.61.11; 7210.61.12; 7210.61.19; 7210.69.11; 7210.69.12; 7210.69.19; 7210.90.10; 7210.90.90; 7212.30.11; 7212.30.12; 7212.30.13; 7212.30.14; 7212.30.19; 7212.30.90; 7212.50.13; 7212.50.14; 7212.50.19; 7212.50.23; 7212.50.24; 7212.50.29; 7212.50.93; 7212.50.94; 7212.50.99; 7212.60.11; 7212.60.12; 7212.60.19; 7212.60.91; 7212.60.99; 7225.92.90; 7226.99.11; 7226.99.91 (tổng cộng 39 mã HS)”.

Điều 2. Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 1105/QĐ-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương áp dụng biện pháp chống bán phá giá chính thức đối với sản phẩm thép mạ nhập khẩu và Quyết định số 2754/QĐ-BCT ngày 20 tháng 7 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc sửa đổi Quyết định số 3584/QĐ-BCT ngày 01 tháng 9 năm 2016 và Quyết định số 1105/QĐ-BCT ngày 30 tháng 3 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với sản phẩm thép mạ nhập khẩu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

Điều 4. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Phòng vệ thương mại và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ trưởng;
- Các Thứ trưởng;
- Tổng cục Hải quan;
- Các Cục: CN, XNK;
- Văn phòng BCĐLN HNQT về Kinh tế;
- Lưu: VT, PVTM(06).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Quốc Khánh